

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Thu Dung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim D.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2019, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T tìm hiểu yêu thương nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào tháng 4 năm 2016 âm lịch, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 10/5/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm đến nhau. Nay chị cảm thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, tình cảm vợ

chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 28/11/2016. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, đồng thời yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Về tài sản chung: Vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Anh công nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị Kim D có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2016 tại UBND xã Đ. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống cũng như tính tình hai người không hợp nhau, chị D thường xuyên có thái độ không tôn trọng anh và đôi khi có những lời lẽ không hay với mẹ đẻ anh, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nay chị D yêu cầu ly hôn, anh hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 28/11/2016. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng cho con, anh đồng ý theo yêu cầu của chị D.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đều chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 Luật HNGĐ; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

+ Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 26/11/2016 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

+ Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 675.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003836, ngày 22 tháng 02 năm 2019.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

Những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án gồm: Các bản sao trích lục kết hôn, trích lục khai sinh tên Nguyễn Ngọc Tường V, Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Kim D, sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Minh Đ, bảng chi tiết phát sinh tiền gửi và phiếu ghi nhận thông tin kiêm bảng kê chi tiền của Ngân hàng Đông Á.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kim D và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/5/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp. Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên trở về đoàn tụ chung sống, nhưng các bên không thể tiếp tục chung sống mà thuận tình ly hôn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị D xin ly hôn anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D.

[3] *Về con chung*: Theo biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành vào ngày 01/3/2019 thì chị D và anh T đã thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 28/11/2016 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tại phiên tòa, chị D tiếp tục yêu cầu được nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu V chưa đủ 36 tháng tuổi và đang sống cùng chị D. Do đó, để đảm bảo quyền lợi chính đáng cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển một cách toàn diện về mọi mặt của cháu V.

Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu V cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng cho con:* Tại biên bản hòa giải và biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn ngày 01/3/2019, chị D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, đến ngày 04/3/2019 nguyên đơn chị D có đơn thay đổi ý kiến sau thỏa thuận, yêu cầu bị đơn là anh T phải cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi nhận được ý kiến thay đổi của chị D, Tòa án đã ra thông báo cho anh T biết vấn đề việc chị D đã thay đổi ý kiến sau thỏa thuận là yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo của Tòa án, anh T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về sự thay đổi ý kiến của chị D và bị đơn cũng không đến Tòa án làm việc.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Đây là nghĩa vụ của cha mẹ. Do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc chị D yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hợp lý. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng là 1000.000đ, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung:* Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ghi ngày 27/02/2019, nguyên đơn chị D đã rút phần yêu cầu chia tài sản chung là số tiền gửi tiết kiệm 30.000.000đ gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Đông Á- Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản giữa chị D và anh T.

[6] *Về nợ chung:* Các bên đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

[7] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003836 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Chị D được nhận lại số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003836, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Nguyễn Thị Kim D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 19/4/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là số tiền 30.000.000đ gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh tỉnh Quảng Ngãi.

4. Về án phí:

4.1. Chị Nguyễn Thị Kim D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 675.000đ tại biên lai thu tiền số 0003836 ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Chị D được nhận lại số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 375.000đ (*Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0003836, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức.

4.2. Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (19/4/2019), đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi
- VKSND huyện M
- Chi cục THADS huyện M
- Các đương sự;
- UBND *xã Đ*;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Quang Hiệp